

Bản án số: 97/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2025

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Thuận Nhi

Bà Trần Thị Thu Huyền

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Lâm Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:**
Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 147/2025/TB-TA ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1984; nơi cư trú: K, đường Ô, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng B, sinh năm 1969; nơi cư trú: 2617 Hickory Bend DR., G, T, USA (Hoa Kỳ). Vắng mặt lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày 22/11/2024, nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Trọng B đăng ký kết hôn ngày 22/10/2019 tại Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung được một tháng thì ông B về Mỹ sinh sống và làm việc. Từ khi ông B về Mỹ, vợ chồng ít liên lạc. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Trọng B.

- Về con chung: Bà T xác định bà và ông Nguyễn Trọng B không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định bà và ông Nguyễn Trọng B không có tài sản chung và nợ chung.

* *Bị đơn ông Nguyễn Trọng B:* được Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tiến hành thủ tục Đề nghị cho Đ tại Hoa Kỳ thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về thời gian mở phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa; đồng thời thông báo thời gian mở phiên tòa trên kênh của Ban Đối ngoại - Đ1 (VOV5) nhưng cho đến nay phía ông Nguyễn Trọng B không có văn bản phản hồi thể hiện ý kiến đối với yêu cầu “*Ly hôn*” của bà Trần Thị Thu T.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết nội dung vụ án:

- Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T với ông Nguyễn Trọng B đối với vụ “*Tranh chấp ly hôn,*” và tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Trọng B.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không đề nghị xem xét, giải quyết.

+ Về án phí và chi phí tố tụng: Buộc nguyên đơn bà Trần Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và các chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu T; nơi cư trú: K, đường Ô, phường T, quận H, nay là phường H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; bị đơn ông Nguyễn Trọng B; nơi cư trú: 2617 Hickory Bend DR., G, T, USA (Hoa Kỳ) nên vụ án “*Ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài của bà Trần Thị Thu T với ông Nguyễn Trọng B.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có Công văn số: 87/TA-CV ngày 06/02/2025 đề nghị Đ tại Hoa Kỳ tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Trọng B theo Công văn số 2368//2017/BTP- PLQT ngày 10/7/2017 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số ủy thác tư pháp trong lĩnh vực dân sự ra nước ngoài đối với ông Nguyễn Trọng B.

Tại phiên tòa xét xử vụ án mở lần thứ nhất vào lúc 8 giờ ngày 22/8/2025 bị đơn ông Nguyễn Trọng B vắng mặt không có lý do.

Ngày 22/8/2025, nguyên đơn bà Trần Thị Thu T có đơn đề nghị Tòa án đăng tin kênh của Ban Đối ngoại - Đ1 (VOV5). Cùng ngày, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã có Công văn số 86/CV-TA gửi Ban Đối ngoại - Đ1 về việc đề nghị thông

báo thời gian mở phiên toà cho ông Nguyễn Trọng B bằng tiếng Việt ba lần trong ba ngày liên tiếp (vào các ngày 25,26,28 /8/2025).

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Trọng B vắng mặt lần 2. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Trọng B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 99/2019 ngày 22/10/2019. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà T, sau khi kết hôn được một khoảng thời gian thì ông B về Hoa Kỳ sinh sống làm việc. Sau thời gian dài xa cách, tình cảm vợ chồng phai nhạt, quan điểm sống không còn phù hợp. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa giải quyết được ly hôn với ông B.

Ông Nguyễn Trọng Bình B cho đến nay không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị Thu T.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thu T, Hội đồng xét xử thấy, hôn nhân giữa bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Trọng B chỉ tồn tại về mặt hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T với ông B như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Trần Thị Thu T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Thu T xác định không có, ông Nguyễn Trọng B vắng mặt, không có lời khai về tài sản chung và nợ chung, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Trần Thị Thu T phải chịu.

[4] Về chi phí Ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Căn cứ khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Trần Thị Thu T phải chịu.

[5] Về chi phí dịch thuật: Bà Trần Thị Thu T phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Chi phí thông báo cho đương sự qua Đài tiếng nói Việt Nam: Căn cứ Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà Trần Thị Thu T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 6 Điều 477, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 56, 122, 123 và 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn*” của bà Trần Thị Thu T đối với ông Nguyễn Trọng B.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Trọng B.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Trần Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0007251 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Bà Trần Thị Thu T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0003962 ngày 13/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ lệ phí ủy thác tổng đạt.

4. Về chi phí thông báo cho đương sự qua kênh của Ban Đối ngoại - Đ1 (VOV5): Căn cứ Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà Trần Thị Thu T phải chịu 2.250.000 đồng, bà T đã nộp đủ theo phiếu thu số 155.08/2025 ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Ban Đối ngoại - Đ1.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (*mười lăm ngày*) kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Nguyễn Trọng B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng (*một tháng*), kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- UBND phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Năng